

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 41/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Đăng H, sinh năm 1990 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 04, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1968 và bà Trần Thị H, sinh năm 1972, bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1990 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án 01: Ngày 19/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” (Tại Bản án số 09/2019/HSST ngày 19/3/2019), tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2020 cho đến nay “bị cáo có mặt”.

Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 và chị Lê Thị T, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Người làm chứng:

Anh Trần Ngọc P, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 25 phút, ngày 25/3/2020 Nguyễn Đăng H đi bộ một mình trên đường T, thuộc khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, biển số 36B3-957.61 có sẵn chìa khóa điện trên xe của anh Nguyễn Văn P và vợ là chị Lê Thị T đang dựng trên lề đường phía trước quán “Bún vịt 36”, thuộc khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước không người trông coi thì H nảy sinh ý định trộm cắp nên đã lén lút đi đến đẩy xe mô tô trên đi được khoảng 02m và nổ máy bỏ chạy thì bị anh Trần Ngọc P và lực lượng Công an phường T, thành phố Đ tuần tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Ngày 27/3/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 36B3-957.61 có giá trị là: 5.500.000 đồng

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, biển số 36B3-957.61 và 01 điện thoại di động hiệu Vell-com màu đen.

Ngày 01/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 68, trả lại chiếc xe mô tô hiệu Wave Alpha biển số 36B3-957.61 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị T.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 58/QĐ-VKS ngày 16/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng H mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 7 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án số 09/2019/HSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Vell-com màu đen, đã cũ, không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo H tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 58/QĐ-VKS ngày 16/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; kết luận điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng việc anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị T sơ hở khi để chiếc xe và chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 36B3-957.61 trên lề đường phía trước quán “Bún vịt 36”, thuộc khu phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước không có người trông coi nên khoảng 11 giờ 25 phút ngày 25/3/2020 Nguyễn Đăng H đã lén lút đẩy xe nổ máy bỏ chạy nhưng bị anh Trần Ngọc P và Công an phường T, thành phố Đ truy hô bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KLĐG ngày 27/3/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, loại xe 02 bánh, dung tích xi lanh 97cm³, màu bạc - trắng - đen; biển số 36B3-957.61, số khung: DY409186, số máy 12E8043 năm sản xuất 2014, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường có giá trị là: 5.500.000 đồng

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 5.500.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ, bản thân bị cáo có 01 tiền án: Ngày 19/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 04 (bốn) năm về tội “trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định của pháp luật.

[5] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 36B3-957.61 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển số 36B3-957.61 đã trả lại cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vell-com màu đen, đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại mà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy vì điện thoại đã cũ và hư hỏng. Xét đề nghị của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và có cơ sở nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56; khoản 3 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 7 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án số 09/2019/HSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước với hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng

tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Vell-com màu đen đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001788, quyền số 0036, ký hiệu D47/2017 ngày 14/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An